TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 22-4-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc**
Bà **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - tỉnh Lâm Đồng*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Quang Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1968;
Địa chỉ: thôn X, xã K, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Kim D**, sinh năm 1969;
Địa chỉ: thôn X, xã K, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Kim D sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 08/6/1992 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng). Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã L (nay là xã K). Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D bị

nghiện rượu, mỗi lần say sỉn về là chửi bới vợ con, nhiều lần ông D có hành vi đánh đập bà, thậm chí có lần ông D đánh bà gây thương tích phải nhập viện, khiến bà tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Trong cuộc sống, ông D không chịu lao động phụ giúp vợ con để lo cho kinh tế gia đình mà ham chơi bời, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, xung đột, cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề. Do bà và ông D đã lớn tuổi và đã có xui gia nên nhiều lần bà khuyên bảo, động viên ông D bớt uống rượu say sỉn để cuộc sống vợ chồng bớt mâu thuẫn, căng thẳng nhưng ông D không nghe. Trầm trọng hơn ngày 30/11/2025, ông D có hành vi đánh đập bà gây thương tích nên từ đó giữa bà và ông D mọi sinh hoạt đều riêng rẽ, mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Kim D.

Bị đơn ông Nguyễn Kim D trình bày:

Bà Đặng Thị T trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn như trên là đúng sự thật. Ông và bà Tt đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng). Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã L (nay là xã K). Quá trình chung sống, vợ chồng cũng hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà T hay tự quyết các vấn đề về tiền bạc, chẳng hạn như đi vay tiền về nói ông ký thì ông ký chứ ông không biết sử dụng số tiền đó vào việc gì. Ngoài ra, bà T có lời lẽ chửi bới ông dẫn đến ông buồn chán và hay uống rượu. Ông cũng thừa nhận do uống rượu say, không làm chủ bản thân nên có hành vi đánh đập bà T và thừa nhận cuộc sống chung giữa ông với bà T không hạnh phúc nhưng hiện nay ông chưa đồng ý ly hôn và sẽ đồng ý sau khi con của ông bà có gia đình. Hiện nay, ông và bà T sống chung một nhà nhưng mọi sinh hoạt thì riêng rẽ.

Về con chung: Bà T, ông D xác nhận có 02 người con chung là anh Nguyễn Kim D, sinh năm 1990, chị Nguyễn Xuân Th, sinh năm 2000. Hiện nay, các con đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nên không đặt vấn đề giải quyết về con.

Về tài sản chung: Bà Tt, ông D tự thoả thoản thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T, ông D cùng trình bày có vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 1.600.000.000đ vào ngày 17/8/2023, thời gian vay 84 tháng, đến hạn là ngày 17/8/2030. Khi vay có thế chấp nhà và đất thuộc thửa 7a tờ bản đồ 2, xã L (nay là xã K), được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông

Nguyễn Kim D. Tuy nhiên, Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu phải trả nợ trong vụ án này. Do đó, ông bà thống nhất không đặt vấn đề giải quyết về số nợ nêu trên.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông D. Bị đơn ông D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt vấn đề giải quyết về con. Về tài sản chung: Bà T, ông D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Bà T, ông D xác nhận có vay 1.600.000.000đ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng nhưng Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả nợ nên không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Kim D được ly hôn. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi, nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung: Bà T, ông D tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về nợ chung: Bà T, ông D có vay 1.600.000.000đ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu bà T, ông D phải trả nợ trong vụ án này nên không đề cập.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D, ông D có địa chỉ cư trú tại thôn X, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D đã được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 387, quyển 01 ngày 08/6/1992. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà T, ông D là hợp pháp.

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì cả bà T, ông D đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T cho rằng ông D bị nghiện rượu, mỗi lần say sỉn về là chửi bới vợ con, nhiều lần ông D có hành vi đánh đập bà, thậm chí có lần ông D đánh bà gây thương tích phải nhập viện, khiến bà tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Còn ông D cho rằng bà T hay tự quyết các vấn đề về tiền bạc. Ngoài ra, bà T có lời lẽ chửi bới ông dẫn đến ông buồn chán và hay uống rượu. Ông cũng thừa nhận do uống rượu say, không làm chủ bản thân nên có hành vi đánh đập bà T và thừa nhận cuộc sống chung giữa ông với bà T không hạnh phúc nhưng hiện nay ông chưa đồng ý ly hôn và sẽ đồng ý sau khi con của ông bà có gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2026 *(bút lục 60)*, ông Nguyễn Văn Q là trưởng thôn X, xã K cho biết *"Ông Nguyễn Kim D cư trú tại thôn X, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng bà T, ông D kết hôn năm 1992, chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Ông D thường xuyên uống rượu say sỉn, không tu trí làm ăn, chăm lo gia đình và hay xảy ra bạo lực gia đình"*.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông D là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông D. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà T và ông D được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông D xác nhận có hai người con chung là anh Nguyễn Kim D, sinh năm 1990, chị Nguyễn Xuân Th, sinh năm 2000. Hiện nay, các con đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T, ông D tự thoả thoản thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T, ông D có vay 1.600.000.000đ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng. Tại Văn bản số 444/BIDVLĐ ngày 16/3/2026 của Ngân hàng cho biết không khởi kiện yêu cầu bà T, ông D phải trả nợ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 220, 227, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;
- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Đặng Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Kim D.

Cho bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Kim D được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Kim D có hai người con chung là anh Nguyễn Kim D, sinh năm 1990, chị Nguyễn Xuân Th, sinh năm 2000. Hiện nay, các con đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nên không đặt vấn đề giải quyết về con.

3. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền

300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0001343 ngày 19/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng (bà T đã nộp đủ). Ông Nguyễn Kim D không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng;
- UBND xã K, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 2
MJ220426.TL.QDBA
1208

Luyện Thanh Sơn